

Số 111/TB-CSBP

Bình Phước, ngày 30 tháng 6 năm 2025

**THÔNG BÁO**  
**V/v lựa chọn Tổ chức đấu giá tài sản**

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số: 01/2016/QH 14 được sửa đổi, bổ sung một điều của Luật Đấu giá tài sản số 37/2024/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ tư pháp về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật đấu giá tài sản số 01/2016/ql14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 37/2024/QH15.

Quyết định số 03/QĐ-CSBP.HĐTV ngày 27/3/2025 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV cao su Bình Phước về việc Thực hiện đấu giá nhượng quyền khai thác, chăm sóc bảo vệ vườn cây hết chu kỳ còn lại với các vườn cây có diện tích nhỏ lẻ, manh mún địa hình đi lại khó khăn, khó quản lý và khó tuyển dụng lao động tại Đội Phú Nghĩa;

Căn cứ Quyết định 20 /QĐ-CSBP.HĐTV, ngày 26/06/2025 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước về việc phê duyệt giá khởi điểm các gói đấu giá nhượng quyền khai thác diện tích 106,55 ha tại Đội Phú Nghĩa;

Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước thông báo về việc lựa chọn tổ chức đấu giá như sau:

**1. Đơn vị có tài sản đấu giá:**

Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước.

Địa chỉ: Đường Trần Văn Trà, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

**2. Thông tin về tài sản đấu giá:**

2.1. Tài sản đấu giá: Quyền khai thác 106,55 ha cao su trồng năm (2010, 2011, 2014, 2012, 2017) tại Đội Phú Nghĩa thuộc xã Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

**2.2. Giá khởi điểm của tài sản đấu giá:**

- Giá khởi điểm nhượng quyền khai thác Gói 01: Diện tích 45,45 ha; trồng năm 2010, 2011 chu kỳ khai thác 05 năm: **7.272.000.000** đồng (32.000.000 đồng/ha/năm).

- Giá khởi điểm nhượng quyền khai thác Gói 02: Diện tích 14,42 ha; trồng năm 2014, chu kỳ khai thác 15 năm: Từ năm thứ 01 đến năm thứ 05: **28.000.000** đồng/ha/năm.

Từ năm thứ 06 đến năm thứ 10 giá tăng thêm 10% trên tổng giá trị hợp đồng đã ký kết và từ năm thứ 11 đến năm thứ 15 giá tiếp tục tăng thêm 10% trên giá trị từ năm thứ 06 đến năm thứ 10.



- Giá khởi điểm nhượng quyền khai thác Gói 03: Diện tích 46,68 ha; trồng năm 2012, 2017: Từ năm thứ 01 đến năm thứ 05: **28.000.000** đồng/ha/năm; trong đó: Vườn cây 2012, diện tích 7,9 ha: Chu kỳ khai thác 15 năm; vườn cây 2012, 2017; diện tích 38,78 ha: Chu kỳ khai thác 20 năm.

Từ năm thứ 06 đến năm thứ 10 giá tăng thêm 10% trên tổng giá trị hợp đồng đã ký kết, từ năm thứ 11 đến năm thứ 15 giá tiếp tục tăng thêm 10% trên giá trị từ năm thứ 06 đến năm thứ 10 và từ năm thứ 16 đến năm thứ 20 giá tiếp tục tăng thêm 10% trên giá trị từ năm thứ 11 đến năm thứ 15.

### 3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề bán đấu giá tài sản gồm các nội dung sau:

Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản phải đảm bảo các tiêu chí theo quy định tại Điều 56 của Luật đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung theo khoản 36, các điểm a, b, c, I khoản 45, Điểm h khoản 46 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản, biểu mẫu trong lĩnh vực đấu giá tài sản; Điều 33 và Phụ lục 1 của thông tư số 19/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ tư pháp, cụ thể như sau:

| TT        | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                   | MỨC TỐI ĐA         |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| <b>I</b>  | <b>Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</b>                                                                                                  |                    |
| 1.        | Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố                                                                                                             | Đủ điều kiện       |
| 2.        | Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố                                                                                                       | Không đủ điều kiện |
| <b>II</b> | <b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá</b>                                                                                      | <b>19,0</b>        |
| 1.        | <b>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</b>                                                                                                                                             | <b>10,0</b>        |
| 1.1       | Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc                                                                                | 5,0                |
| 1.2       | Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện                                                                                                                       | 5,0                |
| 2.        | <b>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</b>                                                                                                                                   | <b>5,0</b>         |
| 2.1       | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá) | 2,0                |
| 2.2       | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)                                                                 | 3,0                |

|     |                                                                                                                                                                   |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
|     | Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên                                               |      |
| 3.  | Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp               | 2,0  |
| 4.  | Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến                  | 1,0  |
| 5.  | Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá                                                                                                                                      | 1,0  |
| III | Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)                                                                             | 16,0 |
| 1.  | Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao                                                       | 4,0  |
| 1.1 | Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả                                                                                                                               | 2,0  |
| 1.2 | Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả                                                                                                                       | 2,0  |
| 2.  | Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)                  | 4,0  |
| 3.  | Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá                                                                | 4,0  |
| 3.1 | Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật                                                                                                                        | 2,0  |
| 3.2 | Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá                                                                         | 2,0  |
| 4.  | Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùn giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá         | 4,0  |
| IV  | Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản                                                                                             | 57,0 |
| 1.  | Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)<br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 15,0 |
| 1.1 | Dưới 20 cuộc đấu giá                                                                                                                                              | 12,0 |
| 1.2 | Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá                                                                                                                       | 13,0 |
| 1.3 | Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá                                                                                                                       | 14,0 |
| 1.4 | Từ 70 cuộc đấu giá trở lên                                                                                                                                        | 15,0 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |     |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 2.  | <b>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7,0 |
| 2.1 | Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4,0 |
| 2.2 | Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5,0 |
| 2.3 | Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 6,0 |
| 2.4 | Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7,0 |
| 3.  | <b>Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề</b> (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan)<br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                           | 7,0 |
| 3.1 | Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4,0 |
| 3.2 | Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5,0 |
| 3.3 | Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 6,0 |
| 3.4 | Từ 50 cuộc trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7,0 |
| 4.  | <b>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên</b> (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)<br>Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm. | 3,0 |
| 4.1 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3,0 |
| 4.2 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức:<br>Số điểm của B = $(U \times 3) / Y$                                                                                                                                                                                                        |     |
| 4.3 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(V \times 3) / Y$                                                                                                                                                                               |     |
| 5.  | <b>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7,0 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |     |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
|     | <b>động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực)</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |     |
| 5.1 | Có thời gian hoạt động dưới 05 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4,0 |
| 5.2 | Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5,0 |
| 5.3 | Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 6,0 |
| 5.4 | Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7,0 |
| 6.  | <b>Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4,0 |
| 6.1 | 01 đấu giá viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2,0 |
| 6.2 | Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 3,0 |
| 6.3 | Từ 05 đấu giá viên trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4,0 |
| 7.  | <b>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản)</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 4,0 |
| 7.1 | Dưới 05 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2,0 |
| 7.2 | Từ 05 năm đến dưới 10 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3,0 |
| 7.3 | Từ 10 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4,0 |
| 8.  | <b>Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5,0 |
| 8.1 | Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 3,0 |
| 8.2 | Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4,0 |
| 8.3 | Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5,0 |



|                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |            |
|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 9.                  | <i>Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)</i><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 5,0        |
| 9.1                 | Dưới 50 triệu đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3,0        |
| 9.2                 | Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4,0        |
| 9.3                 | Từ 100 triệu đồng trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5,0        |
| V                   | <b>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8,0        |
| 1.                  | Có trụ sở của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Phước có ít nhất 02 Hội trường. Trong đó, có 01 Hội trường có sức chứa từ 100 ghế trở lên.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4,0        |
| 2.                  | Tổ chức hành nghề đấu giá có Đấu giá viên hiện đang tham gia giảng dạy, đào tạo tại Học viện Tư Pháp. (Có tài liệu chứng minh).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2,0        |
| 3.                  | Tổ chức hành nghề đấu giá có cuộc (phiên) đấu giá tài sản nhiều nhất đối với tài sản cùng loại của người có tài sản.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2,0        |
| <b>Tổng số điểm</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | <b>100</b> |

Ghi chú: Đối với các tiêu chí tại mục II, III, IV, V: Đơn vị tham gia không có hồ sơ, hình ảnh, thuyết minh đầy đủ thì điểm chấm cho từng tiêu chí là 0 điểm; nếu đơn vị tham gia không có hồ sơ, hình ảnh, thuyết minh nhưng không đầy đủ thì điểm chấm cho từng tiêu chí là  $\frac{1}{2}$  so với mức điểm tối đa;

#### **4. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:**

- Thời gian nhận hồ sơ: Từ 7h00 ngày 01/7/2025 đến 17h00 ngày 03/7/2025 (trong giờ hành chính).

- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ tại: Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước. Địa chỉ: Đường Trần Văn Trà, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Hình thức tiếp nhận hồ sơ: Tổ chức đấu giá nộp hồ sơ trực tiếp tại phòng Kế hoạch - Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước.

- Người đến nộp hồ sơ phải mang theo giấy giới thiệu của Cơ quan, đơn vị và giấy chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân.

- Hồ sơ đã nộp không hoàn trả hồ sơ (kể cả hồ sơ không được lựa chọn).

- Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước sẽ đánh giá, chấm điểm Tổ chức đấu giá tài sản theo tiêu chí tại Phụ lục I, Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày

08/02/2022 của Bộ Tư pháp và có văn bản thông báo kết quả cho tổ chức đấu giá được lựa chọn và được đăng công khai kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá trên cổng thông tin điện tử của bộ Tư pháp và trang Website Công ty.

Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước thông báo công khai để các tổ chức đấu giá tài sản có đủ điều kiện được biết và đăng ký tham gia.

**Nơi nhận:**

- Đăng Website chuyên ngành về ĐGTS;
- Đăng cổng thông tin điện tử Bình Phước;
- Đăng Website Công ty;
- Lưu: VT.

**GIÁM ĐỐC**



*Nguyễn Trường Vũ*



